

BIÊN BẢN NIÊM YẾT CÔNG KHAI

Về việc công khai 4 biểu công khai theo TT số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo năm học 2021-2022.

I. Thời gian: 9h00', ngày 24 tháng 6 năm 2022.

II. Địa điểm: Tại văn phòng trường Mầm non Nam Hải.

III. Thành phần:

- Bà Ngô Thị Thu Hương	Hiệu trưởng	- Trưởng ban KT
- Bà Phạm Thị Hiền	Phó Hiệu Trưởng	- Phó trưởng ban
- Bà Phạm Thị Kim Liên	Phó Hiệu Trưởng	- Phó trưởng ban
- Bà Nguyễn Thị Lan Hương	Trưởng ban TTND	- Ủy viên.
- Bà Nguyễn Thị Kim Oanh	Chủ tịch công đoàn	- Ủy viên.
- Bà Bùi Thị Thu	Kế toán	- Ủy viên.
- Bà Vũ Thị Duyên	Văn Thư	- Thư ký

IV. Nội dung

1. Lập biên bản về việc niêm yết công khai 4 biểu công khai theo TT số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo năm học 2021-2022 của trường mầm non Nam Hải bằng hình thức niêm yết tại bảng công khai của nhà trường, trong cuộc họp.

2. Nội dung niêm yết công khai.

- Công khai 4 biểu công khai theo TT số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo năm học 2021-2022.

3. Hình thức niêm yết công khai

- Niêm yết tại bảng công khai của nhà trường.

4. Địa điểm, thời gian niêm yết

- Niêm yết tại bảng công khai trường Mầm non Nam Hải

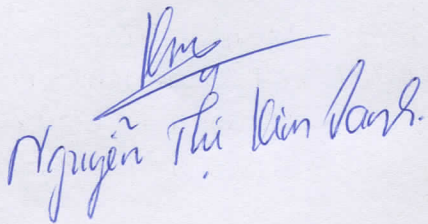
- Thời gian niêm yết bắt đầu từ 9h00' ngày 24/06/2022 kết thúc vào hồi 9h00' ngày 24/07/2022.



5. Yêu cầu: Mọi cán bộ, giáo viên, nhân viên, phụ huynh học sinh xem 4 biểu công khai theo TT số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo năm học 2021-2022 công khai nếu có điều gì thắc mắc sẽ phản ánh về Ban thanh tra nhân dân hoặc Ban giám hiệu trường Mầm non Nam Hải.

Biên bản thông qua trước những thành viên có tên trên hồi 9h00' cùng ngày, đại diện những người có liên quan cùng thống nhất thông qua.

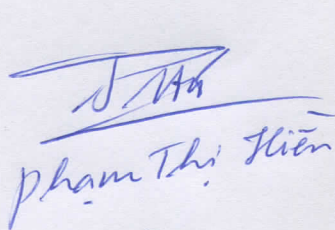
NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN

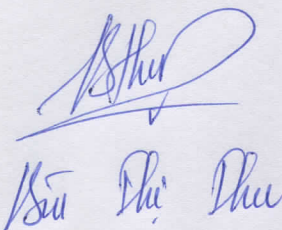

Nguyễn Thị Kim Anh.

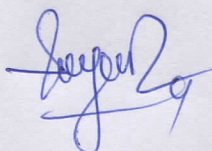


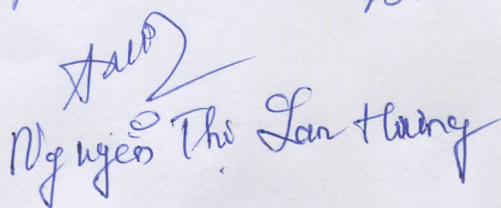
THỊ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
HIỆU TRƯỞNG
Ngô Thị Thu Hương

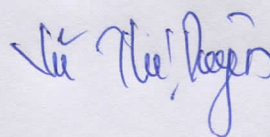
CÁC THÀNH VIÊN THAM GIA


Phạm Thị Hiền


Bùi Thị Thu




Nguyễn Thị Lan Hương


Lê Thị Ngọc



THÔNG BÁO

**Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non
năm học 2021 - 2022**

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được	- Khỏe mạnh, cân nặng chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi. - Thích nghi với chế độ sinh hoạt ở nhà trẻ. - Biết tự phục vụ, giữ gìn sức khỏe. - Nhận biết và tránh một số nguy cơ không an toàn. - 90->95% trẻ đạt sức khỏe loại 1 - 5->10% trẻ đạt sức khỏe loại 2 - Không có trẻ đạt sức khỏe loại 3. * Khẩu phần dinh dưỡng đạt: 620 -> 645 Kcalo/ngày. * Cân nặng: + Kênh bình thường: 97% - >98%. + Kênh suy dinh dưỡng thể nhẹ cân giảm dưới: 3%. * Chiều cao: + Kênh bình thường: 98->99% + Kênh thấp còi: dưới 2% + Trẻ thừa cân béo phì giảm: 2%	- Khỏe mạnh, cân nặng chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi - Có một số hiểu biết về thực phẩm và lợi ích của việc ăn uống đối với sức khỏe - Có một số thói quen, kỹ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khỏe và đảm bảo sự an toàn cho bản thân. - 85-90% trẻ đạt sức khỏe loại 1 - 10->15% trẻ đạt sức khỏe loại 2. - Không có trẻ đạt sức khỏe loại 3. *Khẩu phần dinh dưỡng đạt: 680- >720 Kcalo/ngày. *Cân nặng: + Kênh bình thường: 97% - 98%; + Kênh suy dinh dưỡng thể nhẹ cân giảm dưới: 3%. *Chiều cao: + Kênh bình thường: 98->99% + Kênh thấp còi: dưới 2% + Trẻ thừa cân béo phì giảm: 2%

II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện	* Thực hiện chương trình giáo dục Mầm non theo quy định của Bộ GD&ĐT với các nội dung chủ điểm: 1. Bé và các bạn 2. Đồ chơi của bé 3. Các cô bác trong trường MN 4. Mẹ và những người thân yêu 5. Phương tiện giao thông 6. Tết và Mùa xuân 7. Cây và những bông hoa đẹp 8. Những con vật đáng yêu 9. Mùa hè với bé 10. Bé lên mẫu giáo	* Thực hiện chương trình giáo dục Mầm non theo quy định của Bộ GD&ĐT với các nội dung chủ điểm: 1. Trường mầm non 2. Bản thân 3. Gia đình 4. Nghề nghiệp 5. Động vật 6. Mùa xuân 7. Thực vật 8. Phương tiện giao thông 9. Nước và hiện tượng tự nhiên 10. Quê hương, Bác Hồ-Trường tiểu học.
III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển	* Tình cảm kỹ năng xã hội và thẩm mỹ - Có ý thức về bản thân, mạnh dạn giao tiếp với những người gần gũi - Có khả năng cảm nhận và biểu lộ cảm xúc với con người sự vật gần gũi. - Thực hiện được một số quy định đơn giản trong sinh hoạt - Thích hát, nghe hát và vận động theo nhạc, thích vẽ, xé dán và xếp hình. Xếp loại đạt: 83-85% * Thể chất: - Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi - Thích nghi với chế độ sinh hoạt ở nhà trẻ - Thực hiện được vận động cơ bản theo độ tuổi - Có một số tố chất vận động ban đầu (nh nhanh nhẹn, khéo léo, thăng bằng cơ thể) - Có khả năng phối hợp khéo léo cử động bàn tay, ngón tay	* Tình cảm kỹ năng xã hội - Có ý thức về bản thân - Có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người sự vật, hiện tượng xung quanh - Có một số phẩm chất: mạnh dạn, tự tin, tự lực - Có một số kỹ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm chia sẻ. - Thực hiện một số quy tắc, quy định trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi Xếp loại đạt: 86-90% * Thể chất: - Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi - Có một số tố chất vận động: nhanh nhẹn, mạnh mẽ, khéo léo, bền bỉ - Thực hiện các vận động cơ bản một cách vững vàng, đúng tư thế - Có khả năng phối hợp các giác quan và vận động: vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian

Biểu mẫu 02

UBND QUẬN HẢI AN
TRƯỜNG MẦM NON HẢI

THÔNG BÁO

Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế năm học 2021- 2022

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ	Mẫu giáo		
			25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	366	61	67	109	129
1	Số trẻ em nhóm ghép					
2	Số trẻ em 1 buổi/ngày					
3	Số trẻ em 2 buổi/ngày	366	61	67	109	129
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập					
II	Số trẻ em được tổ chức ăn tại cơ sở	366	61	67	109	129
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	366	61	67	109	129
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	366	61	67	109	129
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em	366	61	67	109	129
1	Số trẻ cân nặng bình thường	351	59	65	105	122
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	0	0	0	0	0
3	Số trẻ có chiều cao bình thường	352	52	65	107	128
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	9	4	2	2	1
5	Số trẻ thừa cân béo phì	8	1	1	2	4
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục	366	61	67	109	129
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ	61	61			
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo	305		67	109	129

Nam Hải, ngày 24 tháng 6 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị



Biểu mẫu 03

UBND QUẬN HẢI AN
TRƯỜNG MẦM NON NAM HẢI

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non
năm học 2021 – 2022**

ST T	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	13	
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	8	
2	Phòng học bán kiên cố	3	
3	Phòng học tạm	2	
4	Phòng học nhờ		
III	Số điểm trường	01	
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	4.053	10.2 m ² /trẻ em
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	1.500	3.8 m ² /trẻ em
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		4,5 m ² /trẻ em
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	661	1.6 m ² /trẻ em
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)	591	1.5 m ² /trẻ em
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	227	0.5 m ² /trẻ em
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	342.5	0,8 m ² /trẻ em
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)	380	0,31 m ² /trẻ em
6	Diện tích nhà bếp đúng quy cách (m ²)	100	0,9 m ² /trẻ em
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	13	Số bộ 13/13 nhóm (lớp)
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	13	13/13
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định		
VII I	Tổng số đồ chơi ngoài trời	8/1	Số bộ/sân chơi (trường)
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy		

	chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)		
1	Máy tính	17	
2	Máy in	11	
3	Ti vi (chiếc)	01	
4	Máy phô tô	1	
5	Điều hòa	21	
6	Máy chiếu	1	
7	Âm thanh loa máy	1	
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)		Số thiết bị/nhóm (lớp)
1	Nhạc cụ (Đàn organ)	2	
2	Đầu thu phát camera (bộ)	01	
3	Đồ chơi ngoài trời (bộ)	05	
4	Bàn đúng quy cách	165	
5	Ghế đúng quy cách	421	
6	Tủ ca cốc	13	
7	Tủ đồ dùng cá nhân trẻ	12	
8	Giá góc	107	
9	Bạt che nắng	19	
10	Bồn rửa tay di động	1	
11	Bộ leo núi Kim tự tháp	1	
12	Bộ liên hoàn mini thang leo	1	
13	Bộ leo chèo vôn động thang bằng nhựa	1	
14	Bộ thể chất bằng gỗ	1	
15	Khu thư viện đọc sách nghỉ ngơi sáng tạo	1	
16	Bộ đèn tín hiệu giao thông	1	
17	Bàn văn phòng	2	
18	Ghế văn phòng	10	
19	Tủ văn phòng	5	
20	Tủ cơm ga	1	
21	Tủ hấp khăn	1	
22	Xe chở cơm	2	
23	Bàn chia thức ăn	2	



Biểu mẫu 03

UBND QUẬN HẢI AN
TRƯỜNG MẦM NON NAM HẢI

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non
năm học 2021 – 2022**

ST T	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	13	
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	8	
2	Phòng học bán kiên cố	3	
3	Phòng học tạm	2	
4	Phòng học nhờ		
III	Số điểm trường	01	
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	4.053	10.2 m ² /trẻ em
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	1.500	3.8 m ² /trẻ em
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		4,5 m ² /trẻ em
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	661	1.6 m ² /trẻ em
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)	591	1.5 m ² /trẻ em
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	227	0.5 m ² /trẻ em
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	342.5	0,8 m ² /trẻ em
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)	380	0,31 m ² /trẻ em
6	Diện tích nhà bếp đúng quy cách (m ²)	100	0,9 m ² /trẻ em
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	13	Số bộ 13/13 nhóm (lớp)
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	13	13/13
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định		
VII I	Tổng số đồ chơi ngoài trời	8/1	Số bộ/sân chơi (trường)
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy		

24	Bàn chế biến sống	1	
25	Bàn chế biến chín	2	
26	Tủ hấp bát	1	
27	Giá để đồ bếp ăn	1	

X	Nhà vệ sinh	Số lượng (m ²)				
		Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	20		227		0,6
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ GDĐT về Điều lệ trường mầm non và Quyết định số 08/2005/QĐ-BYT ngày 11/3/2005 của Bộ Y tế quy định về tiêu chuẩn vệ sinh đối với các loại nhà tiêu)

		Có	Không
XI	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)		x
XIII	Kết nối internet	x	
XIV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	x	
XV	Tường rào xây	x	

Nam Hải, ngày 24 tháng 6 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị



Ngô Thị Thu Hường

Biểu mẫu 04

UBND QUẬN HẢI AN
TRƯỜNG MẦM NON NAM HẢI

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên
của cơ sở giáo dục mầm non năm học 2021 – 2022**

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	SX	Khá	Đạt	CĐ
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	45			25	8	1	3	12	2	15	20	1		
I	Giáo viên	29			28	1			12	2	15	17	1		
1	Nhà trẻ	5			5				4		1	1			
2	Mẫu giáo	24			13	1			8	2	14	23	1		
II	Cán bộ quản lý	3			3						3	3			
1	Hiệu trưởng	1			1						1	1			
2	Phó hiệu trưởng	2			2						2	2			
III	Nhân viên	13			1	8	1	3							
1	Nhân viên văn thư														
2	Nhân viên kế toán (văn thư)	1			1										
3	Thủ quỹ														
4	Nhân viên y tế	1					1								
5	Nhân viên nấu ăn	8				8									